

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CAI LẬY  
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 109/2020/DS-ST

Ngày: 15/9/2020

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY TỈNH TIỀN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa:* Ông Hà Văn Phúc.

**- Các Hội thẩm nhân dân:**

1. Bà Trần Thị Cúc;

2. Ông Đinh Thành Công;

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Thị Mỹ Nhanh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cai Lay.

Vào ngày 15 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cai Lay xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 349/2020/TLST – DS ngày 18 tháng 8 năm 2020 về việc: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 192/2020/QĐXX-ST ngày 07 tháng 9 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Ngô Thị M, sinh năm 1976; Địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Tạ Kim T1, sinh năm 1963. Địa chỉ: Số 6/3, đường 868, Khu phố 1, phường 4, thị xã C, tỉnh Tiền Giang, (có mặt).

- *Bị đơn:* Chị Dương Thị Thu T, sinh năm 1985; Địa chỉ: Ấp H, xã N, huyện C, tỉnh Tiền Giang, (có mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

**\* Theo đơn khởi kiện, tờ tự khai ghi ngày 15/7/2020, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Ngô Thị M ủy quyền cho bà Tạ Kim T1 trình bày:**

Bà M và chị Dương Thị T1 T là chỗ quen biết, ngày 23/7/2018 chị M có cho chị T vay số tiền 100.000.000 đồng, có viết biên nhận tiền, thỏa T1ận khi nào chị M cần lấy lại tiền thì báo trước cho chị T 01 tháng để chị T T1 xếp trả lại tiền, lãi suất hai bên thỏa T1ận. Từ khi vay tiền đến nay, chị T không trả tiền lãi theo thỏa T1ận, bà M nhiều lần yêu cầu

trả lại tiền nhưng chị T viện nhiều lý do không trả. Nay yêu cầu chị T phải trả cho bà M số tiền 100.000.000 đồng.

**\* Bị đơn chị Dương Thị Thu T trình bày:** Thừa nhận có nợ tiền như bà M trình bày. Nay chị đồng ý trả số tiền 100.000.000 đồng cho bà M nhưng xin trả dần mỗi tháng 5.000.000 đồng cho đến khi hết số tiền 100.000.000 đồng.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở lời trình bày của các đương sự và các tài liệu, chứng cứ được đưa ra xem xét tại phiên tòa, sau khi T luận và nghị án Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Xét thấy bà M khởi kiện yêu cầu chị T trả số tiền còn thiếu nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Tại phiên tòa nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn giữ nguyên ý kiến, Hội đồng xét xử nhận định:

2.1 Giao dịch dân sự về việc cho vay tiền giữa bà M và chị T có lập thành văn bản, nội dung thỏa thuận không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội, được hai bên thừa nhận, phù hợp quy định tại Điều 463 của Bộ luật dân sự nên Hội đồng xét xử công nhận.

2.2 Do chị T vi phạm nghĩa vụ theo thỏa thuận nên bà M yêu cầu trả lại tiền đã mượn là có căn cứ và phù hợp với quy định tại Điều 466 của Bộ luật dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Xét chị T xin trả dần số tiền còn thiếu nhưng không được bà M đồng ý nên Hội đồng xét xử không có cơ sở chấp nhận.

[4] Về án phí: Chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án do yêu cầu của bà M được Hội đồng xét xử chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào: Khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, 466, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Thị M.

1. Buộc chị Dương Thị Thu T phải trả cho bà Ngô Thị M số tiền 100.000.000 đồng, ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bà M có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chị T chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì hàng tháng còn phải chịu thêm tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015 tương ứng với số tiền và khoảng thời gian chậm thi hành án.

2. Về án phí: Chị T phải chịu 5.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn lại cho bà M số tiền 2.500.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005740 ngày 18/8/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Cai Lậy;
- Chi cục THADS huyện Cai Lậy;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**

(đã ký)

**Hà Văn Phúc**